

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Nội dung

	Trang
Thông tin về Công ty	1-2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 37

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Đăng ký
Kinh doanh** 4104000113 ngày 24 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 1 năm 2006

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Quản lý Quỹ** 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
27/UBCK-GPĐC ngày 20 tháng 11 năm 2008
67/UBCK-GPĐC ngày 15 tháng 4 năm 2010
25/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2011
51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013

Quyết định số 459/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2007

Giấy phép Đăng ký Kinh doanh và Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Ngày 13 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Quyết định số 459/QĐ-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh Số 08/GPĐC-UBCK để bổ sung thêm chức năng tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép Đầu tư của công ty mẹ có giá trị đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Quản trị John Inness Howell Chủ tịch
Graham David Mason Thành viên
Julian Christopher Vivian Pull Thành viên

Ban Giám đốc Nguyễn Tuấn Thân An Quyền Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 1 năm 2013)
Hendrik Gerrit Ruitenberg Quyền Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc cùng ngày phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 về việc ban hành chế độ kế toán và báo cáo tài chính của các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các nghĩa vụ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Tuấn Thân An
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Chủ Đầu tư
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”) được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 15 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 37. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn với cán bộ của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Quyết định 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi xin lưu ý rằng các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như các thuyết minh có liên quan không được kiểm toán hoặc soát xét bởi chúng tôi. Do đó, chúng tôi sẽ không đưa ra kết luận hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào với các số liệu này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-386a



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2013

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		176.863.107	186.353.012
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	140.086.434	51.383.987
Tiền	111		4.340.694	2.647.112
Các khoản tương đương tiền	112		135.745.740	48.736.875
Đầu tư ngắn hạn	120	5	11.078.371	98.942.263
Tiền gửi có kỳ hạn	121		11.078.371	98.942.263
Các khoản phải thu	130	6	20.923.545	29.115.239
Khoản phải thu khách hàng	131		670.317	1.155.786
Trả trước cho người bán	132		229.570	359.192
Phải thu nội bộ	133		18.680.785	25.936.508
Phải thu từ các hoạt động quản lý quỹ	134		1.347.570	789.009
Phải thu khác	135		(4.697)	874.744
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.774.757	6.911.523
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.212.283	2.199.685
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		395.664	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.166.810	4.711.838
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		2.546.718	3.174.819
Tài sản cố định	220		2.091.261	2.514.534
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.837.170	2.182.432
Nguyên giá	222		6.039.670	5.833.475
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.202.500)	(3.651.043)
Tài sản cố định vô hình	227	8	254.091	332.102
Nguyên giá	228		1.084.782	1.084.782
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(830.691)	(752.680)
Tài sản dài hạn khác	260		455.457	660.285
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	9	455.457	660.285
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		179.409.825	189.527.831

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		28.592.244	37.152.356
Nợ ngắn hạn	310		25.308.750	29.735.155
Phải trả người bán	312		66.025	66.181
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	185.960	2.962.790
Phải trả người lao động	315		(29.355)	2.341
Chi phí phải trả	316	11	22.350.956	26.081.664
Phải trả nội bộ	317	12	2.540.264	452.093
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		194.900	170.086
Nợ dài hạn	330		3.283.494	7.417.201
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	959.679	1.109.094
Tiền thưởng nhân viên dài hạn	337	14	2.323.815	6.308.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.817.581	152.375.475
Vốn góp	411	15	25.000.000	25.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420	16	125.817.581	127.375.475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		179.409.825	189.527.831

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

			30/6/2013	31/12/2012
			VND'000	VND'000
Ngoại tệ	005		24.438.610	2.541.404
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	3.779.477.851	4.140.978.510
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		3.779.477.851	4.140.978.510
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	25.864.016.723	21.912.753.339
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		25.864.016.723	21.912.753.339
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	051		31.542.951	11.087.484
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		1.833.142	14.202.993

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thân An
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Tổng doanh thu	01	19	42.525.752	47.759.056
Chi phí hoạt động	11		668.303	475.565
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.283.902	6.829.064
Chi phí tài chính	22		3.815	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	46.182.393	55.792.740
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 1 - 11 + (21 - 22) - 25}	30		(1.044.857)	(1.680.185)
Kết quả từ các hoạt động khác	40		-	-
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.044.857)	(1.680.185)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	308.209	1.619.419
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	204.828	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.557.894)	(3.299.604)

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thân An
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 03a – CTQ

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ các hoạt động quản lý quỹ	01	50.802.021	43.141.638
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	03	(29.013.458)	(33.383.294)
Nộp thuế cho Ngân sách Nhà nước	05	(3.480.703)	(3.798.323)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.655.485)	(37.861.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(2.347.625)	(31.901.258)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(206.195)	(773.749)
Tăng đầu tư ngắn hạn	26	87.863.892	6.364.854
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	3.392.375	7.181.439
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	91.050.072	12.772.544
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	88.702.447	(19.128.714)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	51.383.987	133.545.225
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	140.086.434	114.416.511

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thiên An
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là Công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 5 năm 2005 và sửa đổi ngày 23 tháng 7 năm 2008, 20 tháng 11 năm 2008, 15 tháng 4 năm 2010, 9 tháng 12 năm 2011, 23 tháng 3 năm 2012 và 26 tháng 3 năm 2013 (sau đây gọi chung là “Giấy phép Quản lý Quỹ”).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Quản lý Quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 24 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 36 nhân viên) trong đó có 1 nhân viên quản lý cấp cao. Trong kỳ Công ty có 12 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 11 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 12 nhân viên).

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Báo cáo Tài chính giữa niên độ cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (“VND’000”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch. Công ty ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày mà Công ty trở thành một bên tham gia ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được xem là cần thiết bởi Ban Giám đốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này với giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Chi phí nâng cấp	3 năm
▪ Thiết bị văn phòng	<u>3 – 6 năm</u>

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(i) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Tiền thưởng nhân viên dài hạn

Tiền thưởng nhân viên làm việc là khoản tiền mặt thưởng cho nhân viên Công ty được chi trả trong vòng ba năm. Khoản tiền này được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong kỳ mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng (“giai đoạn được nhận thưởng”). Giá trị khoản thưởng được ghi nhận là chi phí và được điều chỉnh hàng năm nhằm phản ánh tăng/giảm giá trị phần thưởng bằng cách đối chiếu với lợi nhuận từ hoạt động của Eastspring Investments toàn Châu Á trong giai đoạn được nhận thưởng.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí và các khoản thưởng được ghi nhận khi phát sinh.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% mức lương cơ bản của nhân viên tối đa không quá 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên hiện có đủ điều kiện đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý và các thành viên Ban Giám Đốc của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Quyết định 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Quyết định 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được phản ánh trên các báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

(s) Đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Công ty trình bày thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ của chúng trong Thuyết minh 26.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(t) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động theo một bộ phận, quản lý đầu tư.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng	4.340.694	2.647.112
Các khoản tương đương tiền	135.745.740	48.736.875
	<hr/>	<hr/>
	140.086.434	51.383.987

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng. Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 gồm khoản ngoại tệ tương đương 24.439 triệu VND (31/12/2012: 2.541 triệu VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty hưởng lãi suất năm dao động từ 0,2% đến 4,7% (31/12/2012: từ 1,5% đến 4,8%).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá một năm. Khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 gồm khoản ngoại tệ tương đương không triệu VND (31/12/2012: 27.485 triệu VND).

Kỳ hạn và điều khoản của các khoản đầu tư ngắn hạn chưa quyết toán như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Kỳ hạn	30/6/2013 VND'000
Tập đoàn Ngân hàng TNHH Australia và New Zealand – Chi nhánh Hà Nội	VND	7,60%	6 tháng	11.078.371

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
Phải thu công ty mẹ		
Thương mại	12.325.722	11.719.738
Phải thu các công ty liên quan		
Thương mại	3.549.834	13.658.951
Phi thương mại	2.805.229	557.819
	18.680.785	25.936.508

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác phản ánh phí quản lý và các khoản phí khác phải thu từ các công ty liên quan này. Các khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải trả khi có yêu cầu.

Phải thu khác bao gồm:

	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
Phải thu từ người lao động	2.957	4.626
Phải thu từ việc thành lập các quỹ	-	717.618
Phải thu khác	(7.654)	152.500
	(4.697)	874.744

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh trạng thái rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không có khoản phải thu nào bị quá hạn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

7. Tài sản cố định hữu hình

Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.277.042	4.556.433	5.833.475
Tăng trong kỳ	-	206.195	206.195
Số dư cuối kỳ	1.277.042	4.762.628	6.039.670
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	504.535	3.146.508	3.651.043
Khấu hao trong kỳ	212.840	338.617	551.457
Số dư cuối kỳ	717.375	3.485.125	4.202.500
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	772.507	1.409.925	2.182.432
Số dư cuối kỳ	559.667	1.277.503	1.837.170

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

2012	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.255.608	3.710.783	4.966.391
Tăng trong năm	21.434	845.650	867.084
Số dư cuối năm	1.277.042	4.556.433	5.833.475
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	83.023	2.499.612	2.582.635
Khấu hao trong năm	421.512	646.896	1.068.408
Số dư cuối năm	504.535	3.146.508	3.651.043
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.172.585	1.211.171	2.383.756
Số dư cuối năm	772.507	1.409.925	2.182.432

Tài sản cố định hữu hình với nguyên giá 2.144 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 1.951 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	
	2013	2012
	VND'000	VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/năm	1.084.782	1.074.782
Tăng trong kỳ/năm	-	10.000
Số dư cuối kỳ/năm	1.084.782	1.084.782
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ/năm	752.680	577.567
Khấu hao trong kỳ/năm	78.011	175.113
Số dư cuối kỳ/năm	830.691	752.680
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	332.102	497.215
Số dư cuối kỳ/năm	254.091	332.102

Tài sản cố định vô hình với nguyên giá 559 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 538 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Chi phí hoạt động kinh doanh phải trả	215.536	383.012
Dự phòng trợ cấp thôi việc	239.921	277.273
	455.457	660.285

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	611.008
Thuế thu nhập cá nhân	181.610	2.315.790
Thuế nhà thầu nước ngoài	4.350	35.992
	<hr/>	<hr/>
	185.960	2.962.790
	<hr/>	<hr/>

(i) Biến động của khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013	
	VND'000	2012 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	611.008	119.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	395.664	1.558.633
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	308.209	671.794
Số tiền thực nộp	(1.314.881)	(1.739.123)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	-	611.008
	<hr/>	<hr/>

11. Chi phí trích trước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Phí tư vấn	73.404	666.496
Các khoản tiền thưởng	13.505.428	17.989.897
Các khoản khác	8.772.124	7.425.271
	<hr/>	<hr/>
	22.350.956	26.081.664
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

12. Phải trả nội bộ

	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
Phải trả cho công ty mẹ - Phi thương mại	60.088	406.512
Phải trả các công ty liên quan khác - Phi thương mại	2.480.176	45.581
	<hr/> 2.540.264	<hr/> 452.093

Khoản phải trả công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	2012 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	1.109.094	1.109.094
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	367.319	-
Khoản chi trả trong kỳ	(516.734)	-
	<hr/> 959.679	<hr/> 1.109.094

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã đóng 28,9 triệu VND (2012: 71,3 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Tiền thưởng nhân viên dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	2012 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	6.308.107	6.144.746
Dự phòng được lập trong kỳ/năm	2.531.503	2.055.311
Khoản đến hạn trả được phân loại lại thành chi phí phải trả	(6.515.795)	(1.371.375)
Khoản chi trả trong kỳ/năm	-	(520.575)
	<hr/> 2.323.815	<hr/> 6.308.107

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

15. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty là 25.000.000.000 VND đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam và công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, lần lượt được thành lập tại Việt Nam và Anh Quốc.

16. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	25.000.000	123.344.382	148.344.382
Lỗ thuần trong kỳ (Chưa soát xét)	-	(3.299.604)	(3.299.604)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (Chưa soát xét)	25.000.000	120.044.778	145.044.778

	Vốn góp VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	25.000.000	127.375.475	152.375.475
Lỗ thuần trong kỳ	-	(1.557.894)	(1.557.894)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	25.000.000	125.817.581	150.817.581

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

17. Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi dài hạn của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi dài hạn của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi dài hạn của các nhà đầu tư ủy thác sau:

Nhà đầu tư ủy thác	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
Quỹ chủ sở hữu	1.398.083.787	1.107.493.965
Quỹ toàn cầu	19.966.831	23.890.321
Quỹ nhân thọ	2.318.494.281	2.966.562.961
Quỹ liên kết đầu tư	42.932.952	43.031.263
	3.779.477.851	4.140.978.510

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá thị trường VND'000
Quỹ chủ sở hữu				
Cổ phiếu niêm yết	16.850.000	168.500.000	16.850.000	124.690.000
Chứng khoán nợ niêm yết	1.389.500.000	1.658.323.472	1.182.000.000	1.367.361.897
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	100.000.000	93.070.704	100.000.000	87.943.095
Quỹ toàn cầu				
Chứng khoán nợ niêm yết	112.500.000	132.704.757	80.500.000	91.406.743
Quỹ nhân thọ				
Cổ phiếu niêm yết	72	1.159	1.736.346	16.918.866
Chứng khoán nợ niêm yết	20.284.655.000	22.734.906.895	18.304.506.000	19.656.295.013
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	481.635	46.990.237
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	744.384.000	759.558.200	319.533.000	259.249.611
Quỹ liên kết đầu tư				
Cổ phiếu niêm yết	4.476.826	149.500.335	4.518.821	124.315.933
Chứng khoán nợ niêm yết	138.834.000	164.055.746	119.334.000	134.439.289
Chứng quyền niêm yết	-	-	439.700	54.963
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	3.000.000	3.395.455	3.000.000	3.087.692
		25.864.016.723		21.912.753.339

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'00
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Chứng khoán niêm yết	25.007.992.364	21.515.482.704
Chứng khoán chưa niêm yết	856.024.359	397.270.635
	25.864.016.723	21.912.753.339

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	5.252.485	4.482.189
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	34.475.990	40.915.984
Doanh thu khác	2.797.277	2.360.883
	42.525.752	47.759.056

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty thực hiện quản lý bảy quỹ đầu tư chứng khoán với tổng giá trị tài sản ròng trị giá 32.988 tỷ VND (2012: 28.885 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Quỹ Chủ Sở hữu, Quỹ Chủ Hợp đồng, và Quỹ Liên kết Đầu tư cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo một hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam tương đương 22,9 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 21,2 tỷ VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

Công ty cũng thực hiện quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential, một quỹ đầu tư chứng khoán có vốn điều lệ 500 tỷ VND được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy Chứng nhận lập Quỹ số 06/UBCK-ĐKQĐT do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2006. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential tương đương 5,3 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 4,5 tỷ VND).

Công ty cũng cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho quỹ Vietnam Segregated Portfolio (“VSP”), một quỹ đóng được niêm yết tại thị trường chứng khoán Ai-len theo một hợp đồng tư vấn đầu tư ký ngày 20 tháng 12 năm 2006 và điều chỉnh ngày 23 tháng 1 năm 2008. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho quỹ Vietnam Segregated Portfolio tương đương 9,6 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 15,1 tỷ VND).

Trong năm 2008, Công ty đã ký một hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd, một công ty được thành lập tại Singapore. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd tương đương 1,9 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 4,6 tỷ VND).

Trong năm 2008, Công ty đã ký một hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Eastspring Investments (Singapore) Limited (trước đây là Prudential Asset Management (Singapore) Limited) để cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho quỹ International Opportunities Fund – Vietnam Equity (“IOF”), một quỹ phụ của *Societe d’Investissement à Capital Variable* được thành lập theo luật của Grand-Duchy Luxembourg. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho IOF tương đương 0,08 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 0,09 tỷ VND).

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.906.906	6.832.111
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	376.996	(3.047)
	3.283.902	6.829.064

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

21. Chi phí quản lý hành chính

Chi phí quản lý hành chính theo tính chất chi phí như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Chi phí nhân viên	28.043.525	34.940.215
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	9.245.891	6.818.457
Chi phí khác	8.892.977	14.034.068
	<hr/>	<hr/>
	46.182.393	55.792.740
	<hr/>	<hr/>

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện tại	-	-
Dự phòng thiếu những kỳ trước	308.209	1.619.419
	<hr/>	<hr/>
	308.209	1.619.419
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	204.828	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	513.037	1.619.419
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Lỗi trước thuế	(1.044.857)	(1.680.185)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(261.214)	(420.046)
Ưu đãi thuế	52.243	84.009
Chi phí không được khấu trừ thuế	180.852	336.037
Dự phòng thiếu trong các năm trước	308.209	1.619.419
Tài sản thuế hoãn lại không ghi nhận	232.947	-
	513.037	1.619.419

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tính từ năm đầu tiên hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo tính từ năm 2015.

(d) Các quy định về chuyển giá

Thông tư 117/2005/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực ngày 27 tháng 1 năm 2006 và thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 4 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài Chính có hiệu lực ngày 6 tháng 6 năm 2010 (“các thông tư”), đưa ra hướng dẫn đối với các công ty nhằm tuân thủ nguyên tắc tính giá độc lập trong các giao dịch với các bên liên quan.

Công ty có một số giao dịch nhất định với các bên liên quan. Ban Giám đốc cho rằng các dịch vụ của Công ty với các bên liên quan dựa trên nguyên tắc tính giá độc lập. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng nghĩa vụ thuế sẽ không phát sinh thêm do việc áp dụng các thông tư này.

Tuy nhiên, các cơ quan thuế chưa quyết toán thuế của Công ty từ ngày áp dụng các thông tư. Nếu cơ quan thuế diễn giải và áp dụng các thông tư khác với cách của Công ty thì điều này có thể ảnh hưởng đến các khoản thuế phải nộp Nhà nước trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

23. Cổ tức

Trong giai đoạn sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không chi trả cổ tức (2012: Không).

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	7.120.800	3.185.884
Trong vòng hai đến năm năm	6.674.400	-
	<hr/>	<hr/>
	13.795.200	3.185.884

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giai đoạn sáu tháng từ ngày	Giai đoạn sáu tháng từ ngày
			1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000 (Chưa soát xét)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý	22.905.655	21.158.129
		Phí dịch vụ điều hành quỹ	1.460.672	1.146.370
		Phí dịch vụ do công ty mẹ cung cấp	1.121.751	-
Prudential Corporation Asia	Công ty liên quan	Chi phí do công ty liên quan trả thay Công ty	292.708	-
Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd.	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục cho các quỹ bất động sản	1.882.434	4.581.549
Eastspring Investments (Singapore) Limited (trước đây là Prudential Asset Management (Singapore) Limited)	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục Quỹ IOF	78.613	94.990
		Phí quản lý danh mục cho Vietnam Segregated Portfolio	9.155.125	15.081.316
		Chi phí do công ty liên quan trả thay Công ty	9.631.963	-
Prudential Balanced Fund	Quỹ dưới quyền quản lý	Phí quản lý	5.252.485	4.482.189

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

26. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro tài chính sau:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Note	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	140.086.434	51.383.987
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	11.078.371	98.942.263
Các khoản phải thu và phải thu khác	(iii)	20.693.975	28.756.047
		<hr/>	<hr/>
		171.858.780	179.082.297

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn được gửi tại các tổ chức tài chính mà Công ty cho là sẽ không có khoản lỗ nào phát sinh từ việc các tổ chức tài chính này mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý và phí tư vấn phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý và phí tư vấn phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty.

Công ty TNHH Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	1 – 3 tháng VND'000	3 – 12 tháng VND'000	1 – 5 năm VND'000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013						
Các khoản phải trả	66.025	66.025	66.025	-	-	-
Chi phí phải trả	8.845.527	8.845.527	203.218	8.642.309	-	-
Phải trả nội bộ	2.540.264	2.540.264	-	-	2.540.264	-
Phải trả ngắn hạn khác	194.900	194.900	194.900	-	-	-
	11.646.716	11.646.716	464.143	8.642.309	2.540.264	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Các khoản phải trả	66.181	66.181	66.181	-	-	-
Chi phí phải trả	4.709.308	4.709.308	405.374	2.716.948	1.586.986	-
Phải trả nội bộ	452.093	452.093	-	406.512	45.581	-
Phải trả ngắn hạn khác	170.086	170.086	164.193	-	-	5.893
	5.397.668	5.397.668	635.748	3.123.460	1.632.567	5.893

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch doanh thu và mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.438.610	2.541.404
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	27.485.363
Phải thu nội bộ	6.355.063	14.216.770
Phải trả nội bộ	(95.667)	(45.581)
	30.698.006	44.197.956

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
USD/VND	21.155	20.828

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với (lỗ)/lãi thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Ảnh hưởng đối với (lỗ)/lãi thuần	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND'000	VND'000
USD (mạnh thêm 3%)	736.752	1.060.751

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với (lỗ)/lãi thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn dưới ba tháng.

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	135.745.740	48.736.875
Các khoản đầu tư ngắn hạn	11.078.371	98.942.263
	<hr/>	<hr/>
	146.824.111	147.679.138
	<hr/>	<hr/>
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	4.340.694	2.647.112
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 35 triệu VND (31 tháng 12 năm 2012: 21 triệu VND) lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 do thời hạn đáo hạn ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

26. Các yếu tố mang tính thời vụ và chu kỳ

(a) Chi phí phân bổ từ vùng

Công ty chưa trích lập các khoản chi phí phân bổ từ vùng trong kỳ do chưa thể ước tính được nghĩa vụ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(b) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách đối chiếu với (lỗ)/lợi nhuận trước thuế trong kỳ.

(c) Chia cổ tức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa kê khai khoản chia cổ tức nào. Kế hoạch chia cổ tức, nếu có, sẽ được thông báo vào cuối năm.

27. Các chỉ số

	30/6/2013	31/12/2012
Cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	1,42%	1,68%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	98,58%	98,32%
Tình hình tài chính		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	15,94%	19,60%
Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	597,28%	505,55%
Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	1,39%	1,65%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTQ

	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2013 đến 30/6/2013	Giai đoạn sáu tháng từ ngày 1/1/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
Lợi nhuận		
Lãi thuần/Tổng doanh thu	-3,66%	-6,91%
Lãi thuần/Vốn chủ sở hữu	-1,03%	-2,17%

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thiện An
Quyền Tổng Giám đốc

